

-(으)ㄴ/는 데 있다

nằm ở, là ở chỗ

Chỉ ra bản chất của một điều. Chủ ngữ gần như luôn là danh từ trừu tượng — vấn đề, mục đích, điểm mấu chốt — và cấu trúc này cho biết nó nằm ở đâu.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Tính từ	-(으)ㄴ 데 있다	부족하다 → 부족한 데 있다
Động từ	-는 데 있다	돕다 → 돕는 데 있다
Kết thúc bằng ㄹ	lược bỏ ㄹ	만들다 → 만드는 데 있다
Chủ ngữ là	문제, 목적, 핵심 ...	đánh dấu bằng 은/는
Viết cách	데 là danh từ	부족한 데 있다
Dạng phủ định	-는 데 있지 않다	... 데 있지 않습니다

Khi nào dùng

Dạng này theo hệ thống định ngữ: động từ dùng -는 데 있다, tính từ dùng -(으)ㄴ 데 있다. Gốc từ kết thúc bằng ㄹ sẽ lược bỏ nó, và 데 là danh từ nên có dấu cách.

Chủ ngữ là yếu tố làm nên cấu trúc này. Nó thường là 문제, 목적, 의의, 원인, 핵심, 이유 — những thứ mà bạn có thể chỉ ra vị trí của nó: 문제는 준비가 부족한 데 있다.

Vì chủ ngữ trừu tượng nên cấu trúc này được ưa dùng trong phân tích và lập luận — một cách để gọi tên điểm mấu chốt.

Tiểu từ chủ đề 은/는 hầu như luôn đánh dấu chủ ngữ đó, biến câu thành một định nghĩa.

Ví dụ trong câu

- 1** 문제는 준비가 부족한 데 있습니다.
Vấn đề nằm ở sự chuẩn bị chưa đầy đủ.
- 2** 이 제도의 목적은 취약 계층을 돕는 데 있다.
Mục đích của chương trình này là ở chỗ giúp đỡ các nhóm yếu thế.
- 3** 이번 연구의 의의는 새로운 방법을 제시한 데 있다.
Ý nghĩa của nghiên cứu này nằm ở việc đề xuất một phương pháp mới.
- 4** 핵심은 속도가 아니라 정확성을 지키는 데 있어요.
Điểm mấu chốt không nằm ở tốc độ mà ở việc duy trì độ chính xác.
- 5** 이 가게의 강점은 직접 만드는 데 있습니다.
Thế mạnh của cửa hàng này nằm ở chỗ tự làm mọi thứ.
- 6** 원인은 제도 자체가 아니라 운영하는 데 있었다.
Nguyên nhân không nằm ở bản thân hệ thống mà ở cách vận hành nó.

So sánh với

(이)야말로
Cả hai đều chỉ ra điều thực sự quan trọng. (이)야말로 nhấn mạnh một danh từ; -는 데 있다 xác định bản chất nằm ở một hành động hoặc trạng thái.
정확성이야말로 중요하다. (chính độ chính xác mới quan trọng) / 핵심은 정확성을 지키는 데 있다. (mấu chốt nằm ở việc giữ độ chính xác)

-는 것이다
-는 것이다 giải thích hoặc khẳng định; -는 데 있다 trả lời cụ thể câu hỏi “nó nằm ở đâu?”
준비가 부족한 것이다. (vấn đề là thế) / 문제는 준비가 부족한 데 있다. (vấn đề nằm ở đó)

-에 달려 있다
달려 있다 nói kết quả phụ thuộc vào điều gì đó; 데 있다 nói bản chất nằm ở điều gì đó. Phụ thuộc so với định nghĩa.
성공은 노력에 달려 있다. (phụ thuộc vào) / 목적은 돕는 데 있다. (là ở chỗ)

Lưu ý

- ✗ 이 가게의 강점은 직접 만드는 데 있습니다.**
○ 이 가게의 강점은 직접 만드는 데 있습니다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ sẽ lược bỏ nó trước -는, như ở mọi nơi trong hệ thống định ngữ.
- ✗ 제 취미는 책을 읽는 데 있습니다.**
○ 제 취미는 책 읽기입니다.
Chủ ngữ phải là thứ có bản chất để xác định — 문제, 목적, 핵심. Sở thích thì chỉ cần nêu tên.
- ✗ 문제는 준비가 부족하데 있습니다.**
○ 문제는 준비가 부족한 데 있습니다.
데 là danh từ và có dấu cách. Viết liền thì trông giống đuôi -는데 không liên quan.